

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2025
V/v Tranh chấp HNGĐ về ly hôn –
con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

Ông Đào Văn Hiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 481/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn – con chung*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Kiều H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ý kiến của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện yêu thương nhau thành vợ chồng, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới năm 2009. Có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/08/2012.

Vợ chồng sống với nhau tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và yên ổn được khoảng 10 năm, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T thay đổi tính tình thường xuyên kiếm chuyện ghen tuông vô cớ gây gổ chửi mắng xúc phạm bà thậm tệ, khiến cho mục đích hạnh phúc không đạt được.

Bà H vì các con nên cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, hôn nhân luôn áp lực, nặng nề, đến nay không thể hóa giải, cuộc sống vừa qua do quá áp lực, bà H phải mang con nhỏ ra sống riêng và ly thân với ông T từ đầu năm 2023 đến nay. Nay bà H yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 04 chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 15/4/2010; tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/12/2012; tên Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 03/4/2015; tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/02/2021; Hiện con trai Nguyễn Thành P đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành P. Còn lại ba con chung tên Q, Đ, T1 có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kiều H, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T và được cấp giấy chứng nhận ngày 24/8/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, theo bà H trình bày vợ chồng hạnh phúc khoảng hơn 10 năm, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên kiểm chuyện ghen tuông và chửi mắng, xúc phạm bà H. Từ đó tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H đã không còn sống chung với ông T và hiện nay không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không tìm được giải pháp khắc phục để hòa giải hàn gắn tình cảm và đã sống ly thân và ông T cố tình không cung cấp ý kiến cũng như tham gia tố tụng tại Tòa án để hòa giải, mặc dù Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng.

[4] Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 15/4/2010; Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/12/2012; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 03/4/2015; Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/02/2021; Hiện con chung tên Thành P đang sống với bà H. Còn 03 con chung tên Kim Q, Thành Đ, Bích T1 đang sống với ông T,

Đối với, con chung tên Kim Q, Thành Đ, Bích T1 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với ông T. Bà H cũng đồng ý, do đó ông T tiếp tục được nuôi Kim Q, T, B.

Bà H tiếp tục con chung tên Thành P. Bà H, ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Đối với, ông T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt các Thông báo thụ lý vụ án, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã làm thủ tục niêm yết theo quy định, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung : Có 04 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 15/4/2010; tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/12/2012; tên Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 03/4/2015; tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/02/2021;

Bà H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/02/2021 (Hiện con chung đang sống cùng với bà H).

Ông T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 15/4/2010; tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/12/2012; tên Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 03/4/2015 (Hiện các con chung sống cùng với ông T).

Bà H, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Bà H, ông T và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà H, ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều H phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu 0011326, ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà H nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kiều H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với, ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Phú Điền
(GCNKH số 143 ngày 24/8/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án. (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Mai